| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **307**/2024/HS-ST
Ngày: 20-12-2024.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Xuyến.

2. Bà Hoàng Thị Cát Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 318/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3, thị trấn R, huyện N1, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T1 (đã chết) và bà Cao Thị Bích N1 (đã chết); có vợ tên Trần Thị K và 01 con sinh năm 2023; tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Phan Thị M (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra và có mặt tại phiên tòa.

***) Bị hại:*** Công ty cổ phần B (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu công nghiệp N 2- L, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

***) Người làm chứng***:
1/ Chị Đỗ Thị TH, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
2/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T là công nhân bộ phận giao hàng của Công ty cổ phần B thuộc KCN Lộc Khang, huyện N. Trong thời gian làm việc, T biết khi xếp hàng lên xe đi giao thì phải lấy bìa catton phế liệu lót ở thùng xe nên T nảy sinh ý định trộm bìa catton phế liệu bán lấy tiền tiêu xài. T rủ Nguyễn Văn H là tài xế xe ôtô tải biển số 60C-355.09 của công ty TNHH A1 tham gia cùng, T là người kiêng bìa catton phế liệu từ kho hàng thành phẩm lên xe ôtô tải biển số 60C-355.09 rồi cùng H đi giao hàng, sau khi giao hàng xong thì chở đi bán ở các tiệm phế liệu ven đường, H phụ T khiêng bìa catton xuống để T vào thỏa thuận giá bán. Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 19/7/2024, T và H đã lấy trộm tài sản cụ thể:

Vào các ngày 11/7/2024; 12/7/2024; 15/7/2024; 17/7/2024 Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H lấy trộm mỗi ngày 50kg bìa catton phế liệu bán cho các tiệm phế liệu ở khu vực quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) được số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Ngày 16/7/2024 Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H lấy trộm 90kg bìa catton phế liệu, T vào bán cho tiệm phế liệu của chị Đỗ Thị TH tại ấp H, xã L, huyện LT, Đồng Nai được số tiền 350.000 đồng, T chia cho H 300.000 đồng. T lấy 50.000 đồng.

Ngày 19/7/2024 Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H lấy trộm 290kg bìa catton phế liệu, T vào bán cho tiệm phế liệu Nguyễn Gia Huy tại tổ 6, ấp A, xã L, huyện LT, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Văn C làm chủ được số tiền 1.500.000 đồng, T chia cho H 700.000 đồng. T lấy 800.000 đồng. Anh C đã tự nguyện giao nộp 290kg bìa catton phế liệu cho Cơ quan Công an.

Đến ngày 19/7/2024 công ty Công ty cổ phần B phát hiện bị mất một số bao bì nên đã làm đơn trình báo Công an đồn Khu Công Nghiệp N. Công an đồn Khu Công Nghiệp N lập hồ sơ ban đầu và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 xe ô tô tải 60C-355.09 là xe của công ty công ty TNHH A1, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

- 290kg bìa catton phế liệu là tài sản của công ty cổ phần B, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

- Số tiền 1.624.000 đồng do bị cáo H và T nộp khắc phục và đã trả lại cho công ty cổ phần B.

- Số tiền 1.500.000 đồng do bị cáo H và T nộp và đã trả lại cho anh Nguyễn Văn C.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 290kg bìa catton phế liệu, trị giá 1.624.000 đồng; 90kg bìa catton phế liệu, trị giá 504.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận tài sản bị mất trộm các ngày 11/7/2024; 12/7/2024; 15/7/2024; 17/7/2024 là 50kg bìa catton phế liệu/ngày có tổng trị giá 1.120.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 310/CT.VKS-NT ngày 20/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; 58; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 07 đến 09 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 đến 08 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và H đã bồi thường khắc phục hậu quả cho công ty, công ty không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, không tranh luận đối với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người làm chứng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy giai đoạn điều tra, truy tố những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong thời gian từ ngày 11/7/2024 đến ngày 19/7/2024, tại Công ty Công ty cổ phần B thuộc KCN N 2- Lộc Khang, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H đã lén lút trộm tổng cộng 580kg bìa catton phế liệu, tổng trị giá 3.248.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại và người làm chứng trong vụ án có tại hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, xét thấy cần xét xử nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ với nhau. Trong vụ án này, bị cáo T là người rủ rê, còn bị cáo H là người giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt và nơi

cư trú rõ ràng, ổn định nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết 01/2022 /NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo, khuyến khích bị cáo tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ của gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là công nhân, thu nhập ko ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe ô tô tải 60C-355.09 là xe của công ty công ty TNHH A1, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xét.

Số lượng 290kg bìa catton phế liệu là tài sản của công ty cổ phần B, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu nên không xét.

Số tiền 1.624.000 đồng do bị cáo H và T nộp khắc phục và đã trả lại cho công ty cổ phần B, công ty không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Số tiền 1.500.000 đồng do bị cáo H và T nộp và đã trả lại cho anh Nguyễn Văn C là phù hợp.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thu Trang**